

Chương II

SINH VIÊN SĨ QUAN

A- TUYỂN MỘ

Hằng năm vào tháng 7 Dương Lịch, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam phổ biến văn thư ghi rõ các điều kiện tuyển sinh trên báo chí, truyền thanh, truyền hình Quốc Gia. Các ứng viên nộp hồ sơ tình nguyện gia nhập tại các Trung Tâm Tuyển Mộ Nhập Ngũ trên 4 Vùng Chiến Thuật/Quân Khu và Biệt Khu Thủ Đô Sài Gòn, sau đó tham dự kỳ thi tuyển (nếu số ứng viên trên số dự trù thu nhận) và khám sức khỏe.

1- ĐIỀU KIỆN HỌC VẤN

- 1948-1954 (Khóa 1 - 11): Có bằng Trung Học Phổ Thông. Nếu là HSQ, phải được đơn vị đề cử. Ứng viên thuộc các giáo phái hoặc dân tộc thiểu số đều được nhận.
- 1955-1959 (Khóa 12 - 15): Trình độ lớp Đệ Nhị (lớp 11).
- 1959-1962 (Khóa 16 - 18): Có bằng Tú Tài I. Nếu có bằng Tú Tài II, miễn thi.
- 1962-1968 (Khóa 19 - 24): Có bằng Tú Tài II các Ban A, B hoặc Kỹ Thuật, được miễn thi văn hóa.
- 1968-1975 (Khóa 25 - 31): Có bằng Tú Tài II các ban A, B, Kỹ Thuật, Nông Lâm Súc hoặc văn bằng ngoại quốc tương đương và tham dự một kỳ thi tuyển.

2- CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

- Chiều cao tối thiểu 1m60. Khóa 31 thì 1m56. Đủ sức khỏe do các Trung Tâm Nhập Ngũ hoặc TVBQGVN xác nhận.
- Có Quốc Tịch Việt Nam, không can án.
- Tuổi từ 17 đến 22 (kể từ năm 1954), tuy nhiên, hạng tuổi trên 22 được chấp nhận đối với một số ứng viên vào TSQVN, TVBLQĐL, thuộc giáo phái, người thiểu số, TSQ hoặc HSQ được đơn vị đề cử.
- Từ Khóa 1 đến Khóa 14, các ứng viên có thể đã lập gia đình. Trong khóa học, nếu muốn kết hôn phải có phép của Chỉ Huy Trưởng Trường sau một tháng điều tra lý lịch cô dâu.
- Từ Khóa 15 trở đi, ứng viên phải độc thân và cam đoan không kết hôn trong suốt khóa học.

3- TÊN CÁC KHÓA

Tên các khóa được ghi sẵn trong thông cáo tuyển mộ, liên tục từ số 1 trở đi. Ngày mãn khóa, tên khóa được vị chủ tọa buổi Lễ Mãn Khóa đặt thêm một tên mới kèm theo. Ví dụ "Khóa 2 Quang Trung". Tên kèm theo thường ít khi dùng.

B- TỔ CHỨC ĐƠN VỊ

Tân Khóa Sinh (TKS) được tổ chức thành: lữ đội (là đơn vị thấp nhất), đại đội, tiểu đoàn, do các sĩ quan chỉ huy. Danh hiệu trung đội (thay cho lữ đội), đại đội, tiểu đoàn, bắt đầu áp dụng từ Khóa 9 (1953).

Các đơn vị TKS trải qua một số thay đổi:

Thời Khóa 12 và Khóa 13, Tiểu Đoàn SVSQ đổi thành Liên Đoàn SVSQ với 2 đại đội sau tăng thành 5 đại đội.

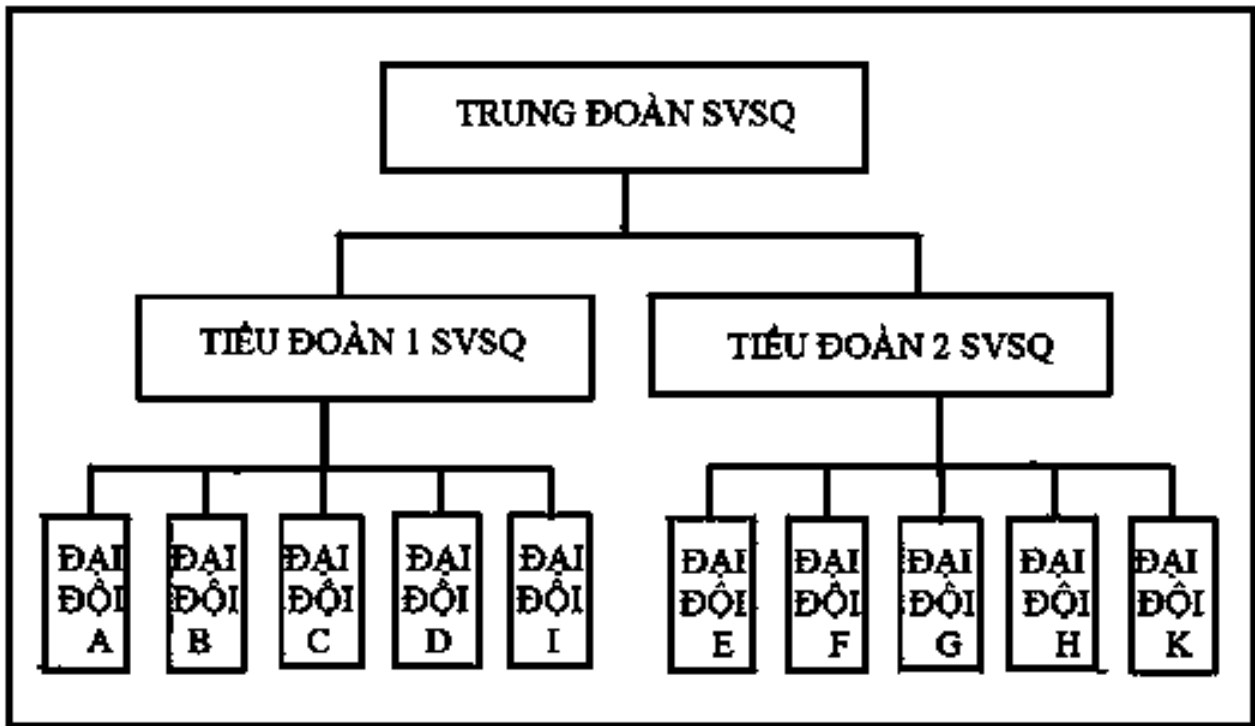
Thời Khóa 14 và Khóa 15, Liên Đoàn SVSQ có 6 đại đội.

Thời Khóa 15 đến Khóa 17, Liên Đoàn SVSQ được tổ chức lại thành 2 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có 4 đại đội gọi theo số thứ tự 1, 2, 3 ...

Khi Trường dời sang khu mới, với tên TVBQGVN, các đại đội được gọi theo mẫu tự A, B, C ..., và giữ nguyên cho đến Khóa 31.

Kể từ Khóa 24 (12/1967), Trường có 3 khóa với quân số gần 700 SVSQ. Liên Đoàn đổi tên thành Trung Đoàn (TrĐ), vẫn gồm có 2 tiểu đoàn.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SVSQ



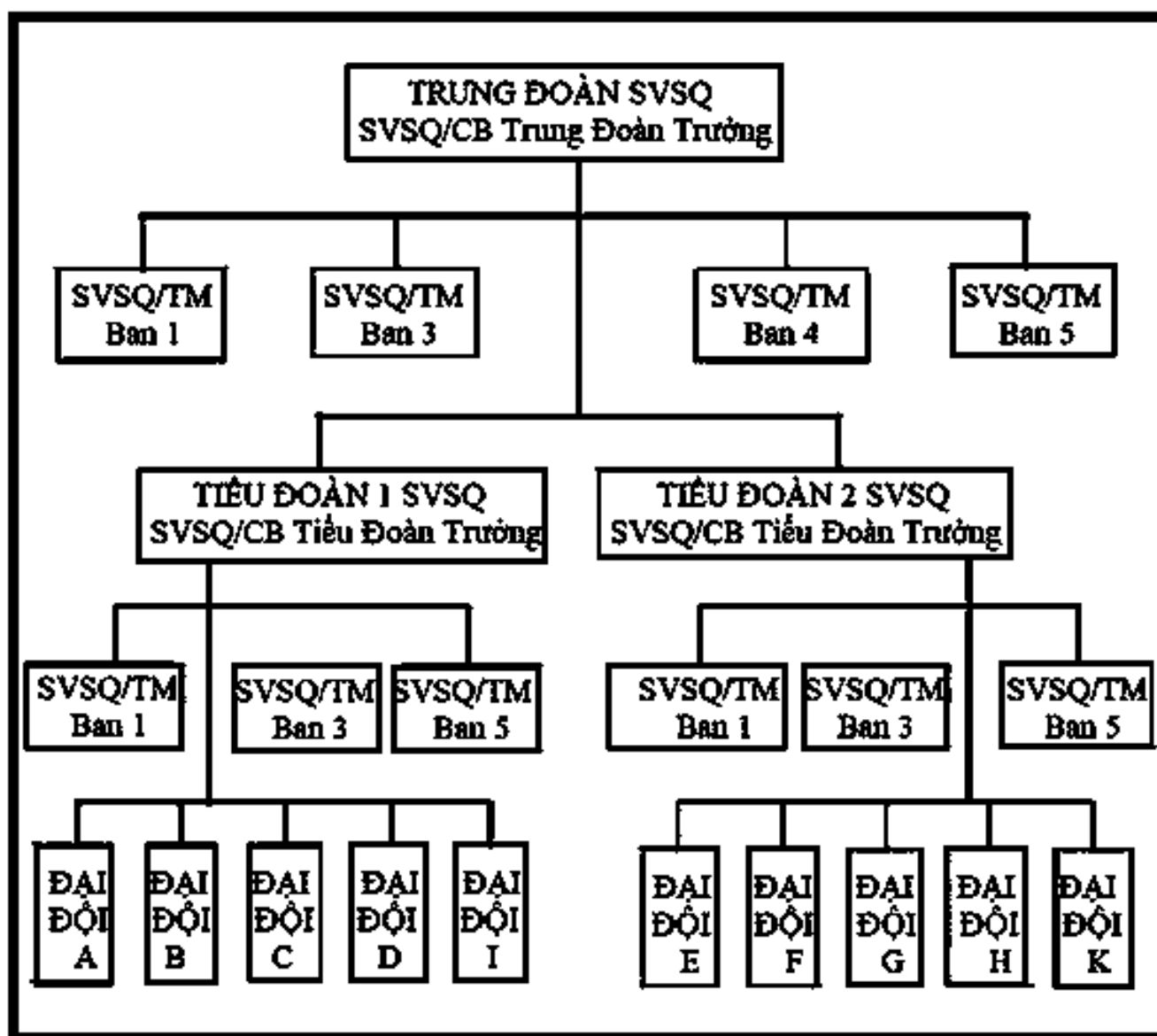
Từ Khóa 25 (12/1968), TVBQGVN có 4 khóa, khoảng 1,000 SVSQ, gồm 10 Đại Đội (A, B, C, D, E, F, G, H, thêm Đại Đội I Không Quân và Đại Đội K Hải Quân).

SVSQ ở trong 4 nhà đặt tên là AB, CD, EF và GH. Mỗi nhà có 2 Đại Đội Lục Quân. Riêng Đại Đội I ở với Đại Đội B và C, Đại Đội K ở với Đại Đội F và G.

C- HỆ THỐNG TỰ CHỈ HUY

Năm 1956, Hệ Thống Tự Chỉ Huy (HTTCH) được thiết lập nhằm phát huy khả năng chỉ huy và lãnh đạo của SVSQ ngay từ lúc còn thụ huấn. SVSQ các khóa đàn anh, dưới sự hướng dẫn của những sĩ quan cán bộ, có trách nhiệm dìu dắt đàn em trong mọi sinh hoạt hàng ngày.

HỆ THỐNG TỰ CHỈ HUY



Các Trung Đội và Đại Đội SVSQ đều có các SVSQ đàn anh làm Cán Bộ Trung Đội Trưởng (SVSQ/CB/TrĐT) và Cán Bộ Đại Đội Trưởng (SVSQ/CB/ĐĐT), chịu trách nhiệm trước Sĩ Quan Cán Bộ Đại Đội Trưởng (SQ/CB/ĐĐT), thường là Đại Úy. SVSQ/CB/ĐĐT có 2 phụ tá là SVSQ Thường Vụ và SVSQ Tham Mưu Ban 4 (Tiếp Liệu).

Tiểu Đoàn SVSQ do SVSQ Cán Bộ Tiểu Đoàn Trưởng (SVSQ/CB/TĐT) chịu trách nhiệm trước một Sĩ Quan Cán Bộ Tiểu Đoàn Trưởng (SQ/CB/TĐT), thường là Thiếu Tá, và cũng có các phụ tá là SVSQ Tham Mưu phụ trách các Ban của Tiểu Đoàn, Ban 1: quân số; Ban 3: nghi lễ và Ban 5: văn nghệ.

Liên Đoàn/Trung Đoàn SVSQ do SVSQ Cán Bộ Liên Đoàn/Trung Đoàn Trưởng chỉ huy, chịu trách nhiệm trước Sĩ Quan Quân Sự Vụ Trưởng, và có các SVSQ Tham Mưu như cấp Tiểu Đoàn, thêm Ban 4: tiếp liệu.

1- HỘI ĐỒNG DANH DỰ (HĐDD)

HĐDD nằm trong HTTCH, gồm một chủ tịch, hai phó chủ tịch và 8 thành viên (tăng lên 10 khi thêm 2 Đại Đội Không Quân, Hải Quân), do Hội Đồng Sĩ Quan Cán Bộ tuyển chọn và đề cử, dựa trên tinh thần trách nhiệm, uy tín, và tác phong đạo đức của SVSQ được Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN phê chuẩn.

HĐDD theo dõi và chấn chỉnh kịp thời các vi phạm đạo đức và danh dự của SVSQ.

HĐDD giám sát tập thể SVSQ về vấn đề tôn trọng kỷ luật quân đội và danh dự cá nhân trong cuộc sống hàng ngày của mỗi một SVSQ.

HĐDD được triệu tập khi một SVSQ vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Quy Luật Danh Dự sau đây:

- Thiếu trung thực.
- Ăn cắp.
- Gian lận khi thi cử hay thi đua.
- Không tôn trọng tài sản của kẻ khác.
- Không tôn trọng chữ ký.
- Bội ước.
- Hèn nhát.
- Thiếu minh bạch.
- Vi phạm phẩm giá và danh dự của mọi người.
- Quịt nợ.

a- Thành Phần

Trong chương trình 4 năm, thành phần HĐDD có đến 23 thành viên là những SVSQ năm thứ tư, gồm có:

- 1 chủ tịch và 2 phụ thẩm (Do HĐDD bầu)
- 20 ủy viên (Do SVSQ của 10 đại đội bầu)

Ngoài ra, có 10 ủy viên dự khuyết thuộc SVSQ năm thứ ba, không được tham dự các buổi xét xử.

SVSQ bị cáo có quyền đề cử 1 SVSQ cùng khóa biện hộ cho mình.

b- Kỹ Luật

HĐDD đề nghị kỷ luật bằng cách trừ điểm môn học Lãnh Đạo Chỉ Huy, giam vào nhà kỷ luật, hoặc sẽ xét xử tiếp bởi Hội Đồng Kỹ Luật.

2- HỘI ĐỒNG KỸ LUẬT (HĐKL)

a- Thành Phần

- Chỉ Huy Trưởng/Chỉ Huy Phó.
- Tham Mưu Trưởng.
- Quân Sự Vụ Trưởng.
- Văn Hóa Vụ Trưởng.
- Trưởng Khối Chiến Tranh Chính Trị.
- Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn Yểm Trợ.
- Các Trưởng Phòng, Trưởng Ban của Bộ Tham Mưu.
- Hội Đồng Sĩ Quan Cán Bộ.
- Các SVSQ trong HĐDD và SVSQ biện hộ cùng khóa.

b- Kỹ Luật

SVSQ bị cáo do HĐKL xét xử. Nếu trọng tội, có thể bị truy tố trước pháp luật. Thực tế, hầu hết họ chỉ bị loại với cấp bậc Hạ Sĩ Quan.

3- MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM CỦA SVSQ

Nhằm thực hiện phương châm Tự Thắng Để Chỉ Huy, SVSQ phải luôn cố gắng thực hiện các điều sau:

- 1- Tự Thắng Để Chỉ Huy là điều kiện tiên quyết để thành công.
- 2- Danh dự là kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy tưởng hành động của người SVSQ.
- 3- Thành thật với bản thân, tín nghĩa với đồng bạn, trung thực với cấp chỉ huy là căn bản tác phong, đạo đức của cán bộ.
- 4- Kỹ luật của SVSQ là kỷ luật thép đặt trên căn bản tinh thần tự giác.
- 5- Ý thức trách nhiệm là bước đầu tiên trên đường phục vụ võ nghiệp.
- 6- Phát huy khả năng toàn diện và trau dồi kiến thức trong hiện tại là nhiệm vụ chính của người SVSQ trong thời gian thụ huấn.
- 7- Sinh hoạt đơn vị là nhu cầu để phát huy tinh thần đồng đội và khả năng lãnh đạo của người SVSQ.
- 8- Không có gì là không thể làm được đối với người SVSQ.
- 9- Tinh thần thi đua cá nhân và đơn vị là động lực của tiến bộ. Thắng không kiêu, bại không nản là đức tính cần thiết cho người sĩ quan sau này.
- 10- Tin tưởng vào tiền đồ dân tộc là quyết tâm xây dựng sự nghiệp của cán bộ.

D- QUỐC QUÂN KỶ - HIỆU KỶ - PHÙ HIỆU

1- QUỐC QUÂN KỶ

Do Toán Quốc Quân Kỳ phụ trách, luôn dẫn đầu trong các buổi diễu hành và nghi lễ gồm:

- 2 SVSQ Thủ Quốc Kỳ và Quân Kỳ TVBQGVN
- 2 SVSQ Hâu Kỳ mang kiếm đứng 2 bên thủ kỳ
- 4 SVSQ Hâu Kỳ mang súng đứng hàng sau.



Toán Quốc Quân Kỳ TVBQGVN

2- HIỆU KỶ



Hiệu kỳ cấp Đại Đội SVSQ

Hiệu Kỳ được thực hiện kể từ năm 1955 (Khóa 12) để sử dụng trong các buổi diễn hành và nghi lễ. Các đơn vị SVSQ có hiệu kỳ, và các SVSQ/CB thuộc HTTCH mang cấp hiệu và kiểm dành cho Cấp Trung Đội, Đại Đội, Tiểu Đoàn, Liên/Trung Đoàn SVSQ.



Kiểm - SVSQ Cán Bộ

Chào kiểm

3- PHÙ HIỆU SVSQ



Phù Hiệu SVSQ

Được thực hiện kể từ Khóa 12 cùng với bộ đại lễ mới, gắn trên mũ cát-két (casquette) và được thêu trên mũ bê-rê (beret) của SVSQ. Mũ cát-két dùng với quân phục đại lễ, tiểu lễ và đạo phổ. Phù hiệu màu đỏ với hàng chữ TỰ THẮNG ĐỀ CHỈ HUY và các hình tượng với ý nghĩa như sau:

- Tự Thắng Đề Chỉ Huy: kim chỉ nam trong suốt cuộc đời quân ngũ.
- Ngôi Sao: sự lãnh đạo sáng suốt.
- Ngọn Lửa: bầu nhiệt huyết.
- Cảnh Trúc: tiết tháo của người quân tử.
- Cung Kiếm: võ nghiệp với chí tang bồng hồ thỉ.

2- CUNG KIẾM

Do vị chủ tọa trao cho Tân Sĩ Quan Thủ Khoa bốn mũi tên đi 4 hướng thể hiện ý chí xông pha khắp đất nước để phục vụ quê hương và dân tộc.

Truyền thống cung và kiếm của thủ khoa được thực hiện từ Khóa 1. Kiếm thuộc loại quý, nặng và dài hơn kiếm của SVSQ/CB thuộc HTTCH. Đặc biệt là tên của thủ khoa được khắc trên thân kiếm.



*Chủ Tọa trao
Kiếm Chi Huy và
Cung Tên cho Thủ Khoa*

*Thủ Khoa bốn Mũi Tên
tượng trưng
"Chi Nam Nhi Tang Bồng Hồ Thi"*

F- QUÂN PHỤC, QUÂN TRANG

Mỗi SVSQ được lãnh nhiều loại quân trang quân phục tùy theo sinh hoạt trong mỗi mùa và đúng với quy định về các dịp lễ, dạo phố, học văn hóa, quân sự, chạy bộ buổi sáng, hay luyện tập võ thuật...

1- QUÂN PHỤC

a- Khóa 1-11 (1948-1954)

1- Tác chiến: màu xanh lá cây, mặc hàng ngày trong sinh hoạt tại Trường cũng như tại các bãi tập.

2- Dạo phố: Kaki vàng.

3- Đại lễ màu trắng, dùng trong các buổi lễ, đặc biệt là Lễ Mãn Khóa.



Tác chiến

Dạo phố

Đại lễ

b- Khóa 12-31 (1955-1975)

1- Tác Chiến: Màu xanh lá cây, áo 2 túi, quần 4 túi (thập niên 1960) hay áo 4 túi, quần 6 túi (thập niên 1970), dùng trong mùa quân sự và canh gác ứng chiến. Ống quần gom trên giày trận, thắt lưng vải màu đen, bút nịt vàng. Bảng tên bằng vải trắng trên túi áo bên phải; tên khóa, đại đội, danh số may trên túi áo bên trái. Khăn quàng cổ màu xanh lơ. Cấp hiệu Alpha gắn trên cổ áo.

Quân phục tác chiến



*Sinh hoạt,
Học quân sự tại lớp*

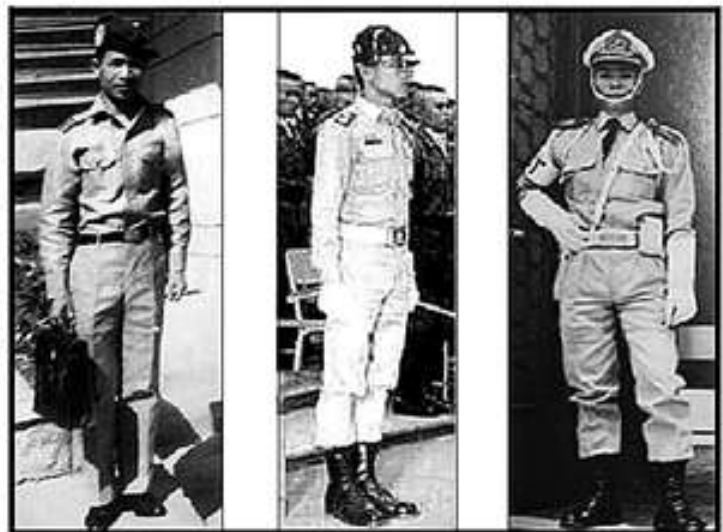
*Công tác ngoài Trường,
Thăm viếng*

*Canh gác,
Ngoài bãi tập*

*Áo ấm
Field Jacket*

2- Kaki: Sử dụng trong mùa văn hóa (cũng có khi mặc quân phục tác chiến), làm việc, Tiểu Lễ Mùa Hè và huấn luyện TKS. Thắt lưng đen, bút nịt vàng. Bảng tên bằng nhựa được gắn bên trên túi áo phải. Mũ bê-rê màu vàng, vè sau màu tím than, Alpha ống, giày da thấp cổ.

Quân Phục Kaki



Học Văn Hóa

Cán Bộ TKS

SVSQ trực

3- Cán Bộ TKS: quân phục kaki, mũ nhựa đánh bóng, giày trận, thắt lưng TAB trắng, ống quần gom trên giày trận, Alpha ống.

4- Tiểu Lễ Mùa Hè: Quân phục kaki, mũ cát-kết trắng, thắt lưng TAB trắng, Alpha dài, dây biểu chương, cà vạt đen, giày da thấp cổ.

5- Blouson: cho mùa đông, màu ô-liu sậm, áo ngắn đến thắt lưng, cấp hiệu Alpha ở trên, giày thấp cổ, mũ bê-rê tím than, áo sơ-mi màu ka-ki mặc trong, cà-vạt đen. Khi đi công tác ngoài Trường, mũ cát-kết cùng màu áo.

Quân Phục Blouson



*Công tác
Mùa Đông*

*Đại lễ
Mùa Đông*

Quân Phục Đạo Phổ



*Mùa Đông
(Jaspé)*

*Mùa Hè
(Worsted)*

6- Tiểu Lễ Mùa Đông: Bộ blouson với mũ cát-kết trắng, áo sơ mi trắng, cà-vạt đen, dây Thắt Lưng Cổ Truyền màu trắng, thường dùng trong Lễ Gắn Alpha.

7- Đại Lễ Mùa Đông: Bộ blouson với mũ cát-kết trắng, dây Thắt Lưng Cổ Truyền màu trắng trên nền đỏ, cấp hiệu Alpha tua đỏ (gù vai), dùng trong đêm Truy Diệu trước ngày mãn khóa.

8- Đạo Phổ: Tùy theo Mùa Đông hay Hè: Mỗi SVSQ được cấp phát 2 bộ vừa để đạo phổ và tiếp tân. Mùa đông, bộ Jaspé, màu ô liu sậm, vải dày. Mùa hè, bộ Worsted, màu vàng nhạt, với cấp hiệu Alpha dài, dây biểu chương, bảng tên nhựa trên túi áo phải, áo sơ-mi trắng, cà-vạt đen, giày da thấp cổ.

9- Đại Lễ Mùa Hè:

Mũ cát-kết trắng, giày da thấp cổ.

Khóa 3 đến 11, mũ cát-kết trắng, giày da thấp cổ, áo quần trắng, thắt lưng đen.

Khóa 12 áo trắng cổ cao, tua cầu vai bằng chỉ vàng nền xanh, quần có sọc xanh, thắt lưng to bản.

Khóa 13 đến 19, áo quần trắng, sọc, tua và nền cầu vai màu đỏ.

Khóa 19, 20 và 21, quần đen, sọc đỏ, thắt lưng trắng trên nền đỏ.

Khóa 22 trở đi, quần xanh da trời, sọc đỏ, áo trắng ngắn ngang thắt lưng, phía trước có 6 dây ngang màu đỏ, thắt lưng trắng trên nền vải đỏ.



1950-1955

1956

1957-1963

1963-1966

1966-1975

Đại Lễ Mùa Hè qua các giai đoạn

10- Áo Phục (Veston): cho SVSQ năm thứ 4 mặc khi dạo phố.

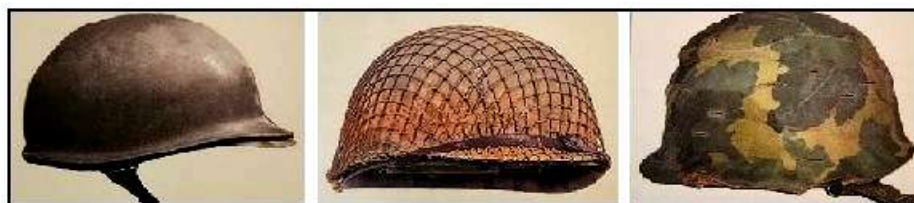
11- Các Loại Trang Phục Khác: Áo len, áo ấm tác chiến (field jacket) dành cho mùa đông, áo quần ngủ, áo choàng ấm gác đêm, áo quần cho các môn thể thao thể dục.

2- QUÂN TRANG

Tùy theo loại quân phục, SVSQ mang các quân trang tương ứng gồm cấp hiệu, mũ cát-két, mũ bê-rê, mũ lưỡi trai, mũ nhựa, mũ sắt. Mũ cát-két dùng với quân phục đại lễ, tiểu lễ và dạo phố. Mũ bê-rê dùng với quân phục làm việc trong mùa văn hóa. Trong mùa quân sự, dùng mũ tác chiến (mũ lưỡi trai) hoặc mũ sắt khi mặc quân phục tác chiến. Mũ tác chiến may cùng loại vải với quân phục tác chiến, với cấp hiệu Alpha thay cho phù hiệu SVSQ.

a- Mũ

- **Mũ Sắt:** Có 2 lớp, lớp ngoài bằng sắt, lớp trong bằng nhựa. Bên ngoài nón sắt được bao bọc bằng một lớp vải hoặc lưới nguy trang giống lá cây rừng được xử dụng khi học quân sự hay thực tập chiến thuật, ứng chiến, canh gác.

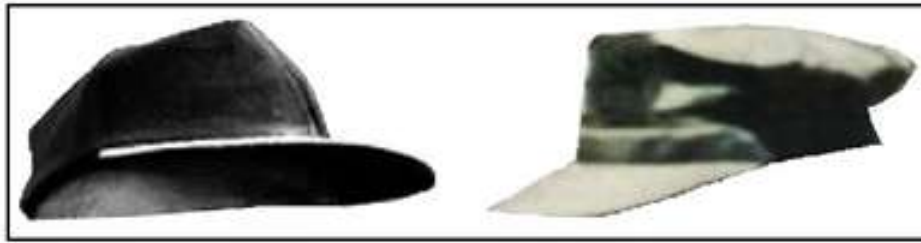


Lớp nón sắt

Lưới bọc bên ngoài

Vải nguy trang

- **Mũ Lưỡi Trai hay mũ Tác Chiến:** cùng loại vải và màu của quân phục tác chiến dùng khi sinh hoạt và học quân sự tại phòng học.



Mũ Lưỡi Trai (Mũ Tác Chiến)

- **Mũ Bê-rê:** Bằng nỉ, màu ô-liu sậm, sau đổi sang màu tím than dùng từ Khóa 22 về sau. Bên phải của mũ có huy hiệu Tự Thắng Đề Chỉ Huy. Mũ bê-rê sử dụng ngoài Trường và thăm viếng.



Mũ Bê-rê

- **Mũ Cát-kết:** Với vải bọc bên ngoài khác nhau. Mũ Đạo Phó, vải nỉ hoặc kaki cùng màu với quân phục đạo phó. Mũ Tiểu Lễ và Đại Lễ, vải màu trắng dùng cho cả hai mùa hè và đông.



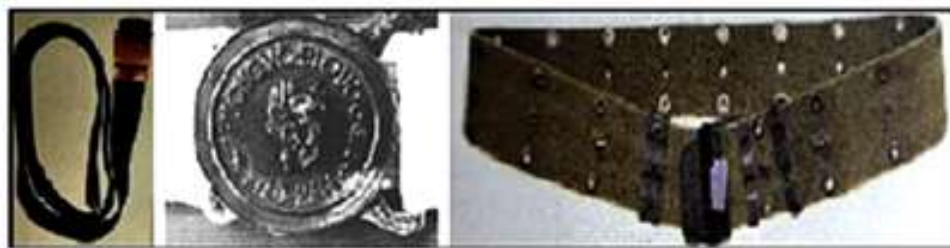
Mũ đạo phó (quân phục Jaspé)

Mũ Đại Lễ và Tiểu Lễ

-Mũ Cát-kết-

b- Thắt Lưng

Thắt Lưng hay Dây Nịt: vải màu đen, nút nịt vàng, dùng cho mọi loại quần. **Thắt Lưng Cổ Truyền:** Thắt bên ngoài bộ Tiểu Lễ và Đại Lễ. **Thắt Lưng TAB:** Dây thắt lưng to bằng của QLVNCH. Màu nhà binh, dùng để mang và móc nhiều vật dụng quân sự. Màu trắng, dùng với quân phục CB/TKS. **TAB:** (Tactical Army Belt).



Thắt lưng

Thắt Lưng Cổ Truyền

Thắt Lưng TAB

c- Giày

- **Giày Da Thấp Cổ:** Bằng da màu đen, mặc Đại Lễ, Tiểu Lễ, đạo phở, mặc quân phục blouson, kaki, (ngoại trừ CB/TKS mặc kaki gom ống quần và mang giày MAB).
- **Giày Trận:** Còn gọi là giày MAB (viết tắt Military Assault Boots). Quân phục tác chiến và kaki vàng gom trên giày dành cho CB/TKS và SVSQ trực.
- **Giày Vải:** Còn gọi là giày bố, dùng với quân phục tác chiến đi canh gác vào mùa mưa để tránh bùn đất trơn trượt.
- **Giày Bata:** Giày thể thao.
- **Dép:** Dùng đi lại trong phòng và hành lang của doanh trại.



Giày da thấp cổ

Giày MAB (giày trận)

G- QUÂN DỤNG

Gồm có:

- Ba-lô đeo lưng.
- Túi lớn bằng vải có quai xách (sac marin) để dùng đi xa.
- Thắt lưng TAB (xem tiểu mục Thắt Lưng).

- Bi-đông đựng nước và ca uống nước, Gà-men ăn cơm.
- Poncho để làm áo mưa hay làm lều.
- Xẻng cuốc cá nhân.
- Túi cứu thương, túi chứa kẹp đạn.



Ba-lô

Bi-đông

Ca múc nước

Xẻng cuốc



Sac Marin

Gà-men

Poncho

Túi cứu thương

Túi chứa kẹp đạn

- Thẻ Bài Quân Nhân: Luôn luôn đeo trên cổ.



Thẻ bài quân nhân